

TÓM TẮT

Bước vào thế kỉ XXI, ngoại giao văn hóa đóng vai trò rất quan trọng đối với chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia trong quan hệ quốc tế. Bài viết này trình bày sự thay đổi tích cực trong chính sách đối ngoại Việt Nam với việc triển khai ngoại giao văn hóa nhằm gia tăng quyền lực mềm đối với các nước từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay. Việc đẩy mạnh hoạt động ngoại giao văn hóa tạo thời cơ vàng để Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế với mục tiêu làm cho thế giới hiểu biết hơn về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam. Đây là một trong những việc làm thiết thực góp phần thúc đẩy ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế phát triển nhằm gia tăng quyền lực mềm để nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong tương lai.

Từ khóa: chính sách đối ngoại; ngoại giao văn hóa; quyền lực mềm

1. Bối cảnh quốc tế

Sau Chiến tranh Lạnh, cục diện thế giới liên tục thay đổi. Cùng với sự tan rã của Liên Xô, các nước theo phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cũng lần lượt sụp đổ, chấm dứt trật tự hai cực trên thế giới. Các nước lớn tăng cường cạnh tranh và chạy đua kinh tế, cải thiện quan hệ song phương, vừa hợp tác vừa tranh giành quyền lực, vừa kiềm chế vừa so kè gay gắt lẫn nhau. Chúng ta có thể nhận thấy những điểm nổi bật như sau:

(i) Các nước lớn tiếp tục đóng vai trò chi phối thế giới, tận dụng mọi cơ hội tập hợp lực lượng để củng cố sức mạnh tổng hợp, vị thế của mình trên trường quốc tế, lợi dụng các thể chế quốc tế quyết tâm thực hiện lợi ích dân tộc. Sự đan xen giữa hợp tác và đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau làm cho mối quan hệ giữa các nước lớn ngày càng trở nên phức tạp và rối rắm hơn. Đứng đầu là Hoa Kỳ, quốc gia này vẫn là một cường quốc với sức mạnh tổng hợp bậc nhất. Trong khi đó, Liên minh châu Âu và Nhật Bản phát triển mạnh mẽ về kinh tế, còn Nga vẫn là cường quốc đáng gờm về mặt quân sự. Và không thể không nhắc đến sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc, sự lớn mạnh của con rồng phương Bắc đã gây ảnh hưởng không ít đến vị trí và quyền lực của Hoa Kỳ trong quan hệ quốc tế. Đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất buộc các quốc gia cần phải điều chỉnh chính sách

đối ngoại của mình để phù hợp với trào lưu của thế giới, nhằm ứng phó với mọi thách thức, tìm kiếm sự bảo đảm an ninh trong tình hình mới và cơ hội để phát triển đất nước. (Vu, 2005, p.11).

(ii) Vấn đề đảm bảo an ninh ngày càng được coi trọng ở mỗi quốc gia và trong các mối quan hệ quốc tế. Vì khủng bố quốc tế đã trở thành mối lo ngại hàng đầu đối với an ninh và ổn định thế giới. Tại Hội nghị An ninh Quốc tế lần thứ 7 tại Nga, Giám đốc Cơ quan An ninh Liên bang Nga (FSB) Aleksandr Bortnikov nhấn mạnh, IS đang suy yếu nhưng không thể vì thế mà đánh giá thấp mối nguy hiểm của IS vì một nửa trong số hơn 1600 vụ tấn công khủng bố trên thế giới mỗi năm đều có liên quan đến IS. Các vụ tấn công này đã làm hơn 150.000 người thương vong kể từ khi tổ chức khủng bố này ra đời. Một hiểm họa mới cũng được nhắc tới là hiện nay là các lực lượng, tổ chức khủng bố quốc tế đều đã biết cách lợi dụng công nghệ thông tin và viễn thông hiện đại, hiện có hơn 10 trang web của các nhóm khủng bố và hàng trăm nghìn tài khoản của các nhóm này trên các mạng xã hội để tuyển mộ và tuyên truyền về các cuộc tấn công khủng bố. Các tổ chức khủng bố còn sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc qua internet mã hóa, ngân hàng điện tử, tiền ảo để điều khiển các hoạt động khủng bố từ xa cũng như cung cấp tài chính cho các hoạt động này. Trước mối đe dọa từ chủ nghĩa khủng bố, nhiều thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương đã được kí kết nhằm ngăn chặn sự lan tràn và chống lại thảm họa này. (Nguyễn, 2003)

(iii) Toàn cầu hóa đang là một xu hướng tất yếu và càng được mở rộng trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa đã tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và chính trị của các quốc gia; thúc đẩy hợp tác, phân công lao động quốc tế; kích thích sự tăng trưởng kinh tế, cạnh tranh quốc tế và tự do hóa thương mại; các hình thức hợp tác, liên kết kinh tế ngày càng phong phú. Tuy nhiên, những lợi ích và bất lợi do toàn cầu hóa đã tạo thêm khoảng cách phát triển giữa các quốc gia và trong mỗi quốc gia. Toàn cầu hóa đã khiến cho nhiều quốc gia đang ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau. Ngoài ra, toàn cầu hóa còn thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác để phát triển. Toàn cầu hóa tháo dỡ các rào cản đối với tự do thương mại làm cho môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, buộc các nước phải có sự thay đổi trong các chính sách cho phù hợp với xu thế nhằm quản lí các hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài ra, toàn cầu hóa đã tạo điều kiện để các quốc gia tiếp cận những thành tựu về văn hóa, khoa học của nhau để cùng góp sức vào sự phát triển của văn minh thế giới. Bên cạnh các tác động tích cực như đã nêu trên, toàn cầu hóa còn tạo ra những thách thức và nguy cơ không nhỏ đối với các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Toàn cầu hóa làm tăng tính phụ thuộc của các nước này vào các nước lớn về vốn, công nghệ và thị trường, tạo ra nguy cơ đối với các nước đang phát triển bị lệ thuộc về kinh tế, từ đó sẽ dẫn đến bị lệ thuộc về chính trị, gây nguy hại về chủ quyền và an ninh quốc gia.

Cần phải kể thêm những xung đột về sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp đến an ninh – chính trị, biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng, dịch bệnh, ma túy, buôn lậu, tham nhũng... ngày càng trở thành những tác nhân lớn trong quan hệ quốc tế; cách mạng khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão cũng đã tác động mạnh đến chiến lược phát triển của tất cả các quốc gia, làm thay đổi tư duy trong việc đánh giá sức mạnh tổng hợp của các nước (Central Commission of Ideology and Culture, 2005, p.39-40).

Khu vực châu Á – Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á sẽ là khu vực phát triển năng động nhưng vẫn còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định: tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt cùng với sự xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. (Vuong, 2011, p.100)

2. Những thay đổi trong chính sách đối ngoại Việt Nam (1986-2006)

Việt Nam trong giai đoạn 1975-1986 do bị cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lạm phát tăng vọt lên đến 774,7% năm 1986, lòng tin của nhân dân vào chế độ bị giảm sút nghiêm trọng. Vì thế, nếu để tình trạng này kéo dài, nguy cơ đất nước tụt hậu khá xa so với các nước xung quanh là điều không thể tránh khỏi. Nhận thức được muốn phát triển mạnh mẽ kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội thì Đảng và Nhà nước cần phải điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp với tình hình mới trong nước và quốc tế (Vu, 2002, p.63). Đại hội Đảng lần thứ VI, tháng 12/1986 đã vạch ra đường lối đổi mới một cách toàn diện, đưa đất nước bước sang giai đoạn phát triển mới: “Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” (The Communist Party of Viet Nam, 1987, p.37). Cùng với việc phục vụ cho đường lối kinh tế và chính trị, đường lối đối ngoại cũng đã được Đảng và Nhà nước điều chỉnh, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, như: “Ra sức kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Đấu tranh duy trì hòa bình trên bán đảo Đông Dương, phấn đấu cho nền hòa bình Đông Nam Á và thế giới” (The Communist Party of Viet Nam, 1987). Điều này cho thấy tiến trình đổi mới của ngoại giao Việt Nam từ năm 1986 đến nay diễn ra đồng bộ và theo hướng toàn diện về các mặt tư duy, chính sách lẫn phương thức triển khai.

Với nhận thức xác định nhiệm vụ trọng tâm của ngoại giao là tạo dựng môi trường hòa bình thông qua công cụ văn hóa để thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ với các nước nhằm đạt được các mục tiêu cơ bản của quốc gia là an ninh, phát triển kinh tế và mở rộng vị thế quốc tế. Nghị quyết TW 13 khóa VI (tháng 5/1988) nhấn mạnh chính sách thêm bạn bớt thù, đa dạng hóa quan hệ trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, cùng có lợi. Tư tưởng này liên tục được phát triển và hoàn thiện, Đại hội VII năm 1991 đề ra chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế: “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, phát triển.” (The Communist Party of Viet Nam, 1991, p.147). Đây là bước chuyển cơ bản mở ra thời

kì mới trong quan hệ đối ngoại của chúng ta với các nước. Bước vào năm 2001, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã bổ sung cho đường lối này như sau: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.” (The Communist Party of Viet Nam, 1991, p.147). Đại hội lần thứ X của Đảng vào tháng 4 năm 2006 đã tiến thêm một bước nữa với: “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.” (The Communist Party of Viet Nam, 2006, p.112).

3. Ngoại giao văn hóa trong chính sách đối ngoại Việt Nam hiện đại

Bước vào thời kì đổi mới, ngành ngoại giao xác định ngoại giao văn hóa đã trở thành một trong những trụ cột chính của ngoại giao Việt Nam hiện đại, bên cạnh ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế. Trong đó, ngoại giao văn hóa tạo nền tảng tinh thần, đóng vai trò mở đường cho ngoại giao chính trị và kinh tế. Ngoại giao kinh tế tạo nền tảng cơ sở vật chất để củng cố cho các mối quan hệ chính trị và văn hóa nhằm tạo thành sức mạnh cộng hưởng cho nền ngoại giao hiện đại. Nguyên Bộ trưởng Bộ ngoại giao Nguyễn Dy Niên đã cho rằng: “Cùng với kinh tế đối ngoại và chính trị đối ngoại, văn hóa đối ngoại tạo thành thế kiềng ba chân vững chãi cho nước ta vươn ra hòa nhập với thế giới” (Nguyen, 2003). Và nguyên Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Gia Khiêm đã khẳng định: “Cần đẩy mạnh ngoại giao văn hóa để trở thành một trụ cột cơ bản của ngoại giao”. (Pham, 2007).

Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa là cần thiết để hội nhập quốc tế và là một trong ba trụ cột của nền ngoại giao hiện đại Việt Nam, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (năm 2011) đã nêu rõ: “Độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”, đồng thời đề cập trực tiếp đến vai trò của ngoại giao văn hóa: “Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa.” (The Communist Party of Viet Nam, 2011, p.98-100). Văn kiện Đại hội lần thứ XII năm 2016 với phương châm đối ngoại “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”, hội nhập trong các lĩnh vực văn hóa – xã hội, xây dựng nền kinh tế tri thức, con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; nhấn mạnh yêu cầu phát triển công tác đối ngoại đa phương với ASEAN và các nước lớn (The Communist Party of Viet Nam, 2011, p.168).

Những phân tích trên cho thấy ngoại giao văn hóa Việt Nam đã có những bước tiến trong quan hệ quốc tế như phần trình bày dưới đây.

3.1. Thúc đẩy hợp tác với các nước trên lĩnh vực văn hóa

Quan điểm của Đảng và nhà nước Việt Nam là dùng ngoại giao văn hóa để mở đường cho quan hệ giữa ta và các quốc gia nhằm góp phần nâng cao sự hiểu biết đúng đắn

và sâu sắc hơn về đất nước, con người và nền văn hóa Việt Nam. Một trong những phát triển có ý nghĩa quan trọng đối với văn hóa nói chung và ngoại giao văn hóa nói riêng là sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (tháng 6/2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.” (Communist Party National Congress IX’s resolution, 2014)

Trong thời gian qua, ngoại giao Việt Nam đã tích cực triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa trên nhiều hướng, ở các cấp độ song phương và đa phương với nhiều hình thức khác nhau và thu được những kết quả đáng khích lệ, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước. Nổi bật nhất là sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mở đầu sự hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế quốc tế. Triển khai đồng thời đàm phán 6 khuôn khổ thương mại tự do lớn là đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), đối tác toàn diện khu vực Đông Á (RCEP), các hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc, EU, khu vực mậu dịch tự do châu Âu (EFTA) và Liên minh Thuế quan Nga - Belarus - Kazakhstan.

Việt Nam đã xác lập quan hệ ngoại giao với 180 trong 193 quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc, quan hệ kinh tế thương mại với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam trở thành thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có 98 cơ quan đại diện các quốc gia và vùng lãnh thổ khắp năm châu lục. Thế và lực của đất nước ngày càng mạnh, vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Trong bối cảnh thế giới toàn cầu hóa và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng, Việt Nam cũng đang triển khai hiệu quả với các đối tác quan trọng. Chúng ta đã xác lập quan hệ đối tác chiến lược với 13 nước (Nga, Nhật, Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Đức, Italia, Indonesia, Thái Lan, Singapore). Quan hệ đối tác toàn diện với Mỹ đã tạo nền tảng cho những bước phát triển mới trong mối quan hệ song phương, phục vụ tốt hơn cho lợi ích hai nước (Central Commission of Ideology and Culture, 2005, p.99).

Việt Nam tiếp tục phát triển các mối quan hệ hữu nghị nhằm đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng với các nước ASEAN, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển. Ngoài ra, Việt Nam tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và châu Mỹ Latin, các nước trong Phong trào không liên kết cùng gắn kết, ủng hộ lẫn nhau để phát triển. Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, ủng hộ cùng nhân dân toàn thế giới bảo vệ hòa bình, chống các nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ nhằm góp phần xây dựng một thế giới an ninh, dân chủ và công bằng. Đại hội IX đã khẳng định: “Nước ta đã

tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống; tham gia tích cực các hoạt động thúc đẩy sự hợp tác cùng có lợi trong Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); tăng cường quan hệ với các nước phát triển và nhiều nước, nhiều tổ chức khu vực và quốc tế khác... thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.” (Communist Party National Congress IX’s resolution, 2014).

Tăng cường hợp tác trên lĩnh vực ngoại giao văn hóa tại các diễn đàn song phương và đa phương như UNESCO, ASEAN, ASEM, EAS, Tổ chức Pháp ngữ, Liên Hiệp Quốc, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước trong khu vực và thế giới nhằm quảng bá hình ảnh Việt Nam với các nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác ngày càng lan rộng trên thế giới. (Vu, 2006, p.26).

3.2. *Quảng bá và vận động mạnh mẽ văn hóa Việt Nam ra thế giới*

Cùng với việc thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ với các nước trong quan hệ quốc tế, Việt Nam triển khai chính sách ngoại giao văn hóa nhằm vận động và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Tại Hội nghị TW lần thứ IX, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa” (Nguyen, 2014). Như vậy, có thể khẳng định rằng ngoại giao văn hóa ở Việt Nam là một lĩnh vực hoạt động ngoại giao được thực hiện bằng cách áp dụng các hình thức văn hóa, như: nghệ thuật, lịch sử, tư tưởng, truyền thống văn hóa, thông tin để đạt được các mục tiêu cơ bản của chính sách đối ngoại quốc gia, tạo hình ảnh tốt đẹp của đất nước, quảng bá văn hóa và ngôn ngữ quốc gia nhằm tạo uy tín, vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

Chúng ta đã đẩy mạnh việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam thông qua việc giới thiệu các sản phẩm văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc với việc tổ chức các chương trình văn hóa nhân các sự kiện chính trị lớn như các chuyến thăm của các lãnh đạo cấp cao của Việt Nam ra nước ngoài và lãnh đạo các nước khác đến Việt Nam. Kỷ niệm năm chẵn, ngày thiết lập quan hệ ngoại giao, tổ chức các Tuần/ Ngày Việt Nam tại các nước để tăng cường sự hiểu biết nhiều mặt về đất nước Việt Nam. Kết hợp các nội dung văn hóa, kinh tế, đối ngoại, chuyển tải thông điệp phù hợp tới từng nước như: Năm Pháp tại Việt Nam (2013), Năm Việt Nam tại Pháp (2014), các hoạt động sôi nổi tại Đức, Nga, Anh, Nhật, Ý, Trung Đông... đã thu hút sự quan tâm của các giới chính trị, kinh doanh, thông tấn báo chí, kiều bào Việt Nam tạo nên hiệu ứng lan tỏa rộng rãi trong công chúng và nhiều lĩnh vực.

Đặc biệt, hoạt động ngoại giao văn hóa còn góp phần tích cực vận động UNESCO công nhận 38 danh hiệu thế giới tại Việt Nam, trong đó Hoàng thành Thăng Long là Di sản văn hóa thế giới, Ca trù, Quan họ, Đờn ca tài tử là Di sản văn hóa phi vật thể... Sự công

nhận các danh hiệu có ý nghĩa hiệu quả, thiết thực vì không những góp phần gìn giữ sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam, đóng góp kho tàng văn hóa nhân loại, mà còn góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, thúc đẩy phát triển du lịch và kinh tế - xã hội.

Ngoại giao văn hóa cũng góp phần đưa các thương hiệu du lịch, thương hiệu sản phẩm của Việt Nam đến với đông đảo bạn bè quốc tế, đồng hành cùng các địa phương

trong nhiều chương trình lễ hội có tính nước ngoài như: Festival Huế, Festival hoa Đà Lạt, Festival pháo hoa quốc tế Đà Nẵng... Các lễ hội này đã trở thành thương hiệu có sức thu hút đối với các đoàn ngoại giao tại Việt Nam, với bạn bè quốc tế và khách du lịch. (Phạm, 2018). Bên cạnh đó, chúng ta cũng tăng cường giao lưu, trao đổi văn hóa, nghệ thuật với các nước để tạo cơ hội, điều kiện cho những người làm công tác nghệ thuật và công chúng Việt Nam được tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhất là các ý tưởng, sáng kiến trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, thông tin nhằm mục đích vừa quảng bá văn hóa Việt Nam, vừa học hỏi thêm kinh nghiệm các nước, tranh thủ sự hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế - xã hội và nhất là đóng góp vào việc định hướng, xây dựng chính sách đối ngoại của quốc gia. (Vu, 2007, p.18)

3.3. Hạn chế

Các hoạt động ngoại giao văn hóa trong những năm gần đây có những hạn chế nhất định. Ví dụ, tính hiệu quả không cao và không đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Nội dung và hình thức của các hoạt động không đáp ứng yêu cầu cụ thể của từng mục tiêu và địa phương. Sản phẩm văn hóa được giới thiệu ở nước ngoài rất ít về số lượng và hạn chế về chất lượng. Cơ sở vật chất và thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công việc ngoại giao văn hóa bị rút ngắn và lỗi thời. Sự phối hợp giữa các ngành và cơ quan liên quan không chặt chẽ. Nhân viên phụ trách bị giới hạn về số lượng và chất lượng, tính chuyên nghiệp còn thấp. Nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của văn hóa ngoại giao trong các tầng lớp xã hội không cao mặc dù thực tế đó là một loại hình hoạt động đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước và tư nhân, đặc biệt là sự tham gia của đa số quần chúng. Điều đó thể hiện rõ ở các nhân tố tham gia các hoạt động văn hóa ngoại giao. Hiện nay, các hoạt động vẫn chỉ giới hạn trong Chính phủ và các cơ quan nhà nước mà không có sự tham gia mạnh mẽ của tổ chức tư nhân và các tổ chức phi chính phủ cũng như các cá nhân.

Ngoài ra, Việt Nam chưa xây dựng thành công một thông điệp truyền thông độc đáo về ngoại giao văn hóa cũng như tạo ra các chương trình đổi mới để thu hút sự chú ý rộng hơn của cộng đồng quốc tế. Các chương trình giao lưu văn hóa cho mỗi quốc gia và nhóm các quốc gia ở các khu vực khác nhau lại khá giống nhau và thiếu đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng để giới thiệu các chương trình dành riêng cho khán giả cụ thể. Các cuộc trao đổi văn hóa vẫn đang diễn ra trong ngắn hạn và thiếu một chiến lược tổng thể để có thể đánh giá hiệu quả và theo dõi để cải thiện và nâng cấp chất lượng. Các tuần văn hóa, triển lãm hoặc trao đổi ở mỗi quốc gia thường chỉ diễn ra một lần tại một hoặc một số thành phố của một quốc gia nên hiệu quả bị hạn chế và thậm chí lãng phí do không thu hút được nhiều người

dân của các quốc gia đó tham gia. Nói cách khác, Việt Nam chưa tạo ra sản phẩm văn hóa có tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Để khắc phục những hạn chế hiện có và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngoại giao văn hóa, Việt Nam cần tập trung vào một số điểm chính về chính sách và nhân sự, cũng như các phương pháp quản lý. Trước tiên, Việt Nam cần xây dựng cơ chế thống nhất quản lý các hoạt động ngoại giao văn hóa thay thế cho cách quản lý chồng chéo hiện nay của Bộ Ngoại giao và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thứ hai, tiếp tục nâng cao nhận thức về ngoại giao văn hóa để chuyển giao quyền hạn, lực lượng và nguồn lực và tập trung vào đào tạo nguồn nhân lực thành thạo tiếng nước ngoài và hiểu sâu sắc về các giá trị văn hóa độc đáo của Việt Nam như một “cơ quan văn hóa” chuyên nghiệp. Thứ ba, Chính phủ cần nghiêm túc đầu tư vào các sản phẩm văn hóa có tính phổ biến và tính quốc tế trong các lĩnh vực khác nhau như điện ảnh, âm nhạc, hội họa, văn học, lễ hội dân gian... để tạo sự đột phá trong việc quảng bá văn hóa. Thứ tư, cần phát triển các gói chương trình ngoại giao văn hóa cho mỗi quốc gia và khu vực. Thứ năm, phát triển xã hội hóa ngoại giao văn hóa như khai thác hiệu quả tiềm năng của cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

4. Kết luận

Có thể nói, trong quan hệ quốc tế, sức mạnh của mỗi quốc gia sẽ được xác định bằng nhiều nhân tố, trong đó không thể không kể tới vai trò của ngoại giao văn hóa, một trong những công cụ thể hiện quyền lực mềm trong chính sách đối ngoại của quốc gia đó. Trong thời đại ngày nay, các quốc gia dù là cường quốc hay là một đất nước đang phát triển, đều phải vận dụng ngoại giao văn hóa như một công cụ hữu hiệu nhằm khẳng định hình ảnh của đất nước mình với cộng đồng quốc tế.

Hơn bốn mươi năm đổi mới và thực sự chỉ hơn một thập niên thúc đẩy công tác ngoại giao văn hóa nhưng đã nhận thức rõ vai trò quan trọng của ngoại giao văn hóa, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện các hình thức ngoại giao nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong chính sách đối ngoại của mình. Quá trình đổi mới đã đem lại những thành tựu phát triển to lớn và ý nghĩa lịch sử cho Việt Nam hiện nay. Dù vẫn còn những khó khăn nhưng Việt Nam đã cố gắng vượt qua mọi khủng hoảng về kinh tế - xã hội để gia nhập nhóm nước có mức thu nhập trung bình so với các quốc gia khác; chính trị - xã hội ổn định; an ninh - quốc phòng luôn được tăng cường; văn hóa - xã hội đã có những bước phát triển vượt bậc để cố gắng hòa nhập với các nước trên thế giới. Sức mạnh của đất nước được nâng lên với các mối quan hệ đối ngoại rộng mở. Chính điều này đã làm cho vị thế và uy tín của Việt Nam sẽ tiếp tục được nâng cao hơn nữa trên trường quốc tế trong tương lai.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Central Commission of Ideology and Culture (2005). *Vietnam's Foreign Affairs in the New Epoch* [Doi ngoai Viet Nam thoi ki doi moi]. Hanoi: National Politics Publishing House.
- Nguyen, D. N. (2003). *World in 2002, diplomatic achievements and our responsibilities ahead* [The gioi nam 2002, thanh tuu doi ngoai va nhien vu truooc mat cua chung ta]. Diplomacy Magazine, 28th edition.
- Nguyen, P. T. (2014). *Speech of the General Secretary closing the 9th Central Party Conference* [Bai phat bieu cua Tong Bi thu be mac Hoi nghi TW Dang lan 9]. Retrieved from <https://thanhtra.com.vn/chinh-tri/doi-noi/Bai-phat-bieu-cua-Tong-Bi-thu-be-mac-Hoi-nghi-TW-Dang-lan-9-72343.html>
- Pham, G. K. (2007). *Rising to regional and international diplomacy level* [Vuon len tam ngoai giao khu vuc va quoc te]. Vietnam and the World Weekly Newspaper, 40th – 41st edition.
- Pham, S. C. (2018). *Cultural Diplomacy: The Pillar of Vietnam's complete diplomacy* [Ngoai giao van hoa: Tru cot cua nen ngoai giao toan dien Viet Nam]. Hanoi: Communism Magazine.
- The Communist Party of Viet Nam (1987). *Document for the national 6th delegation meeting* [Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu VI]. Hanoi: The Truth Publishing House.
- The Communist Party of Viet Nam (1991). *Document for the national 7th delegation meeting* [Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu VII]. Hanoi: The Truth Publishing House.
- The Communist Party of Viet Nam (2001). *Document for the national 9th delegation meeting* [Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu IX]. Hanoi: National Politics Publishing House.
- The Communist Party of Viet Nam (2006). *Document for the national 10th delegation meeting* [Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu X]. Hanoi: National Politics Publishing House.
- The Communist Party of Viet Nam (2011). *Document for the national 11th delegation meeting* [Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu XI]. Hanoi: National Politics Publishing House.
- The Communist Party of Viet Nam (2014). *Resolution No. 33-NQ/TW, June 9, 2014, 9th Conference of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam (Session XI) on building and developing Vietnamese culture and people to meet development requirements national sustainability* [Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước].
- The Communist Party of Viet Nam (2016). *Document for the national 12th delegation meeting* [Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu XII]. Hanoi: National Politics Publishing House.
- Vu, V. H. (2005). *International factors affecting the process of carrying out diplomacy policy by Viet Nam's Communist Party National Congress IX* [Những nhân tố quốc tế tác động đến quá trình thực hiện Chính sách đối ngoại Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam], extracted from “the process of carrying out diplomacy policy by Viet Nam's Communist Party National Congress IX”. Ha Noi: Reasoning – Politics Publishing House.
- Vu, D. H. (2002). *Vietnam's contemporary diplomacy-for the sake of change (1975-2002)* [Ngoai giao Viet Nam hien dai - Vi su nghiep doi moi (1975-2002)]. Hanoi: Institute of International Relations.

- Vu, D. H. (2006). New definition for 21st century's diplomacy and matters put forward for Vietnam's diplomacy [Net moi cua ngoai giao the ki XXI va nhung van de dat ra cho ngoai giao Viet Nam]. Magazine for International Research, 4th edition (67).
- Vu, D. H. (2007). Some thoughts on cultural diplomacy [Vai suy nghi ve ngoai giao van hoa]. Magazine for International Research 4th edition (71).
- Vuong, T. P. (2011). *People's diplomacy under the light of 11th Congress of the Party* [Doi ngoai nhan dan duoi anh sang Dai hoi lan thu XI cua Dang]. Extracted from "Vietnam's diplomacy in a new era". Hanoi: National Politics Publishing House.
-

CULTURAL DIPLOMACY IN VIETNAM'S FOREIGN POLICY

Nguyen Thai Giao Thuy

University of Social Sciences and Humanities – Vietnam National University, Hanoi, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thai Giao Thuy – Email: thuypgmedia@gmail.com

Received: August 13, 2019; Revised: September 25, 2019; Accepted: April 20, 2020

ABSTRACT

In the 21st century cultural diplomacy has played an important role in each country's foreign policy. This article discusses positive changes in Vietnam's foreign policies together with the deployment of cultural diplomacy in order to increase its soft power toward other countries since the end of the Cold War. Promoting cultural diplomacy activities is a golden opportunity for Vietnam to actively integrate into the world with the aim of promoting the country, the people, and the culture to the world. Cultural diplomacy is of many practical ways to help promote the development of political and economic diplomacy so as to increase the nation's soft power and to empower its position in the future.

Keywords: foreign policy; cultural diplomacy; soft power